

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 313/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị Ng., sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Nh, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lê Đăng L., sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn Nh, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212, 213, 144 và khoản 3,4 Điều 147; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị Ng. và anh Lê Đăng L..

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con: Công nhận các cháu Lê Thị H, sinh ngày 30/12/1994; cháu Lê Thị Tr., sinh ngày 03/10/1996; cháu Lê Đăng S, sinh năm 04/11/2003 là con chung của anh Lê Đăng L. và chị Đào Thị Ng.. Hai cháu Lê Thị H và Lê Thị Tr. đã thành niên và tự lập.

Về việc nuôi con: Anh Lê Đăng L. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Đăng S. Chị Đào Thị Ng. có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, anh L. và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Ng. và anh L. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản và công nợ:

Chị Đào Thị Ng. và anh Lê Đăng L. tự thỏa thuận chia tài sản và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị. Cụ thể:

- Về tài sản: Chị Ng. và anh L. thống nhất có số tài sản chung:

- + Thửa đất số 206 tờ bản đồ số 23 bản đồ địa chính xã Đ, lập năm 2015 diện tích 472,8 m² tên chủ sử dụng là Lê Đăng L. và Đào Thị Ng. tại thôn Nh, xã Đ, H, tỉnh Thanh Hóa. Trên thửa đất có 2 nhà và toàn bộ tài sản trong nhà.

- + Khu đồng đất 07 tại khu vực đồng ống Diện tích 6805 m², tại thôn Nh, xã Đ, H, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay do ông Lê Đăng L. và bà Đào Thị Ng. đang sử dụng và quản lý, mô hình lúa cá.

- + 05 tấm gỗ ngựa lim trị giá 80.000.000 đồng.

- Vợ chồng có thửa đất tại khu nhà nghỉ tại thôn Tứ Luyện, xã Đ, H, tỉnh Thanh Hóa là thửa số 110, tờ bản đồ số 38 bản đồ địa chính xã Đ lập năm 2015, đã tặng cho con trai là Lê Đăng S. Hiện nay vợ chồng anh chị đang kinh doanh nhà nghỉ.

- Về công nợ: Chị Ng. và anh L. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Ng. và anh L. thỏa thuận chia tài sản và đề nghị Tòa án ghi nhận như sau:

- * Sau khi ly hôn anh Lê Đăng L. được quyền sở hữu, quyền sử dụng số tài sản:

- + Khu đồng đất 07 tại khu vực đồng ống Diện tích 6805 m², tại thôn Nh, xã Đ, H, tỉnh Thanh Hóa.

- + 05 tấm gỗ ngựa lim.

- Do thỏa thuận anh L. được quyền nuôi cháu Lê Đăng S, chị Ng. và anh L. thỏa thuận anh Lê Đăng L. được quyền giám hộ quản lý tài sản của cháu S là khu nhà nghỉ nằm trên thửa đất số 110, tờ bản đồ số 38 bản đồ địa chính xã Đ lập năm 2015 đứng tên chủ sử dụng Lê Đăng S, người giám hộ Lê Đăng L. và Đào Thị Ng.; Anh L. được quyền kinh doanh nhà nghỉ và lợi nhuận thu được từ kinh doanh nhà nghỉ là tài sản riêng của anh L. cho đến khi có ý kiến khác của cháu S. Nếu anh L. kinh doanh trên đất mà vi phạm pháp luật thì tự anh L. chịu trách nhiệm.

- * Chị Đào Thị Ng. được quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản:

+ Thửa đất số 206 tờ bản đồ số 23 bản đồ địa chính xã Đ, lập năm 2015 diện tích 472,8 m² tên chủ sử dụng là Lê Đăng L. và Đào Thị Ng. tại thôn Nh, xã Đ, H, tỉnh Thanh Hóa. Trên thửa đất có 2 nhà và toàn bộ tài sản trong nhà.

Các đương sự có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quyết định công nhận này.

2.4. Về án phí: Chị Đào Thị Ng. tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.050.000 (Bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0010091, ngày 30/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Do chị Đào Thị Ng. và anh Lê Đăng L. tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

Trả lại cho chị Đào Thị Ng. số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.900.000 đồng (Sáu triệu chín trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Tú